

Bản án số: 03/2019/HS-PT

Ngày: 10-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi

Ông Ngô Quang Dũng

T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi- T ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 246/2018/HSPT ngày 10/12/2018 đối với các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G do có kháng cáo của các bị cáo N, S, V, G đối với bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HSST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Vi Văn N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 9/12; Họ và tên bố: Vi Văn P, sinh năm 1968; Họ và tên mẹ: Đồng Thị O, sinh năm 1973, Vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1993 (Đã ly hôn); Con: Bị cáo có một con sinh năm 2011; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 45/2009/HSST ngày 31/8/2009, Vi Văn N bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Chấp hành xong bản án ngày 01/10/2010.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 23/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Chu Văn S**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1975; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 4/12; Họ và tên bố: Chu Xuân Đ, sinh năm 1949; Họ và tên mẹ: Phạm Thị S, sinh năm

1949; Vợ: Trần Thị L, sinh năm 1976; Con: Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; Gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 23/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Đức V**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 7/12; Họ và tên bố: Nguyễn Đức C, sinh năm 1955; Họ và tên mẹ: Đoàn Thị T, sinh năm 1960; Vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1985; Con: Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 18/6/2018 đến ngày 23/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên: **Tăng Văn G**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1990; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 7/12; Họ và tên bố: Không rõ bố; Họ và tên mẹ: Tăng Thị M, sinh năm 1967; Vợ: Chu Thị T, sinh năm 1988; Con: Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 19 ngày 14/5/2012, Tăng Văn G bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong bản án ngày 14/5/2013.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 22/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có 09 bị cáo khác, có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 15 phút ngày 17/6/2018, Tổ công tác Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang vụ đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, được thua bằng tiền tại lán vải của anh Lương Văn N thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Các đối tượng bị bắt giữ gồm: Đào Đình L, sinh năm 1983 ở bản T, xã Đ, huyện Y; Nông Văn N, sinh năm 1987 ở bản C, xã Đ, huyện Y; Phùng Văn C, sinh năm 1984 và Vũ Văn C, sinh năm 1970 đều ở thôn T, xã Đ, huyện Y; Dương Văn S, sinh năm 1990, Tăng Văn G, sinh năm 1990, Vi Văn T, sinh năm 1981, Vi Văn T, sinh năm 1988 đều ở T, xã Đ, huyện Y. Vật chứng thu giữ gồm: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu tại chiếu bạc 5.250.000đồng; 01 bát con sù; 01 đĩa sù; 04 quân vị được

làm từ mảnh đóm tre có một mặt được bôi đen; 01chiếu cói đôi đã cũ rách; 04 quân bài tú lơ khơ. Khám thu trong người các đối tượng: Phùng Văn C: 60.000 đồng; Vũ Văn C: 1.123.000 đồng; Vi Văn T: 300.000 đồng; Đào Đình L: 01 ví da màu đen đã cũ có 400.000 đồng; Dương Văn S: 7.000 đồng; Vi văn T: 01 ví da màu nâu đã cũ có 507.000 đồng; Nông Văn N: 2.750.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ 300.000 đồng trong cốp xe mô tô của Vi Văn T, 10 điện thoại di động các loại và 11 xe mô tô các loại. Quá trình bắt quả tang, lợi dụng sơ hở Chu Văn S, sinh năm 1975, Lương Văn Đ, sinh năm 1980 đều ở bản T, xã Đ, huyện Y, Vi Văn N, sinh năm 1991 và Hoàng Văn Q, sinh năm 1988 đều ở bản T, xã Đ, huyện Y, Nguyễn Đức V, sinh năm 1982 ở bản T, xã Đ, huyện Y và Vi Đức T, sinh năm 1988 ở bản T, xã Đ, huyện Y bỏ chạy thoát.

Ngày 17/6/2018, Chu Văn S, Vi Văn N và Hoàng Văn Q ra đầu thú. Quá trình đầu thú, Chu Văn S giao nộp 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004502 biển số đăng ký 98C1 - 110.82. Ngày 18/6/2018, Lương Văn Đ và Nguyễn Đức V ra đầu thú.

Quá trình điều tra xác định được: Anh Lương Văn N, sinh năm 1986 ở bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có 01 trang trại trồng cây vải thiều ở bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do anh N bận đi làm tại tỉnh Vĩnh Phúc nên không về thu hoạch vải thiều được đã cho anh trai là Lương Văn Đ thu hoạch vải trong trang trại đó. Chiều ngày 16/6/2018, Đ cùng vợ là chị Hoàng Thị S, vào trang trại bẻ vải thiều, đến chiều tối cùng ngày thì Đ đi ăn cỗ, còn chị S về nhà ăn cơm. Sau khi đi ăn cỗ về thì Đ đi vào lán trong trang trại để tuốt lá và buộc vải thiều. Khoảng 19 giờ cùng ngày, chị S cùng con gái là cháu Lương Hoàng Ngọc L, vào trang trại đó để cùng Đ tuốt lá vải. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày có Nguyễn Đức V, Chu Văn S, Vi văn T, Vi Văn T, Vi Văn N, Tăng Văn G và Dương Văn S đến lán nơi Đ và chị S tuốt lá vải để chơi. Một lúc sau, các đối tượng trên cùng rủ nhau vào trong gian lán của trang trại để đánh bạc với hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Nguyễn Đức V lấy 01 con dao ở hiên lán và lấy 01 mảnh tre chẻ để làm 04 quân vị kích Tót khoảng (01x01)cm, sau đó V lấy 01 mẫu dây chun đốt để bôi đen 01 mặt của 04 quân vị đó rồi mang vào trong lán. Chu Văn S lấy 01 bát con sứ, 01 đĩa sứ trong gian lán để ra chiếc chiếu trải sẵn tại nền lán từ chiều. Chu Văn S lấy 04 quân bài tú lơ khơ (gồm quân ba bích, ba cơ, bốn bích và bốn cơ) ở trên kệ ti vi để xuống chiếu để làm bảng vị và cùng các đối tượng đánh bạc. V, Chu Văn S, T, Thắng, G, N ngồi quây tròn trên chiếu đó đánh bạc với nhau bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền, còn Dương Văn S ngồi trên giường cạnh nơi các đối tượng đánh bạc để xem. Lúc này Đ vẫn đang tuốt lá vải ở hiên lán cùng chị S và cháu Lan. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì chị S và cháu L đi về nhà trước, còn Đ ở lại lán nơi các đối tượng đánh bạc. Một lúc sau có Hoàng Văn Q, ở bản T, xã Đ, huyện Y đến tham gia đánh bạc cùng các đối tượng. Khoảng 10 phút sau có Đào Đình L, ở bản T, xã Đ, huyện Y, Vũ Văn C; Phùng Văn C và Vi Đức T, đều ở bản T, xã Đ, huyện Y đến và cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 15 phút sau có thêm Nông Văn N, ở bản C, xã Đ, huyện Y đến cùng tham gia đánh bạc. Khi Quý, Luyện, Chiên, Cường, Vi Đức T, N1 đến tham gia đánh bạc thì Đ đi vào trong lán. Chu Văn S thấy Đ không có tiền nên đã cho Đ 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng)

và Đ đã sử dụng số tiền này để tham gia đánh bạc với các đối tượng. Còn Dương Văn S có 17.000đồng (Mười bảy nghìn đồng) thì S đã bỏ ra và sử dụng 10.000đồng (Mười nghìn đồng) đặt tham gia đánh bạc 01 ván thì bị thua nên S tiếp tục ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Một lúc sau, Dương Văn S được G cho 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng) thì S tiếp tục sử dụng số tiền G cho để tham gia đánh bạc. Vi Văn N là người xóc cái từ khi bắt đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Chu Văn S là người cầm bảng vị. S vừa cầm bảng vị, vừa đặt tiền tham gia đánh bạc với các đối tượng. Các đối tượng đánh bạc đến 00 giờ 15 phút ngày 17/6/2018 thì bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên. Các đối tượng khai nhận sử dụng số tiền đánh bạc như sau:

- Phùng Văn C sử dụng 160.000 đồng, khi bị bắt đang thua 100.000 đồng, còn 60.000 đồng đã bị thu giữ; Vi Văn T sử dụng 200.000 đồng, khi bị bắt đang thắng được 100.000 đồng, khi bắt quả tang đã thu giữ 300.000 đồng; Đào Đình L sử dụng số tiền 200.000 đồng, khi bị thua hết đã vay của Vũ Văn C 100.000 đồng và cũng bị thua hết, trong người có 400.000 đồng bị thu giữ. Luyện khai sẽ bỏ ra đánh nếu bị thua; Dương Văn S sử dụng 10.000 đồng và được Tăng Văn G cho 100.000 đồng đã bị thua hết; Vũ Văn C sử dụng 350.000 đồng, khi bị bắt đang thắng 400.000 đồng và vơ 350.000 đồng dưới chiếu bạc, bị thu giữ 1.123.000 đồng trong đó có 23.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc; Vi văn T sử dụng 150.000 đồng, khi bắt đang hòa. Quá trình đánh bạc có cho V vay 2 lần, mỗi lần 100.000 đồng, sau đó V đã trả cho T 200.000 đồng. Bị thu giữ 507.000 đồng, trong đó có 150.000 đồng sử dụng đánh bạc. Nông Văn N sử dụng 370.000 đồng, khi bị bắt quả tang thu 2.750.000 đồng là tiền thắng bạc; Tăng Văn G sử dụng 220.000 đồng bị thua hết. Trong khi đang thắng cho Dương Văn S 100.000 đồng; Chu Văn S sử dụng 980.000 đồng, cho Đ 200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thắng 400.000, bỏ chạy thoát bỏ lại chiếu bạc 1.380.000 đồng; Vi Văn N có và sử dụng 70.000 đồng. Khi đánh bạc vay Đ 200.000 đồng, có hai người (không rõ ai) cho 100.000 đồng, N đánh thua hết, khi bị bắt bỏ chạy thoát; Hoàng Văn Q có 270.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng, đã thua hết, còn 170.000 đồng bỏ chạy cầm theo(số tiền này không sử dụng đánh bạc). Nguyễn Đức V sử dụng 60.000 đồng tham gia đánh bạc, vay T 2 lần, mỗi lần 100.000 đồng, sau đó đã trả cho T. Khi N1 đến, V vay của N1 10.000.000 đồng để ngày hôm sau có việc riêng, V đã bỏ ra 500.000 đồng trong số tiền vay của V để đánh bạc và đã thua hết trước khi bỏ chạy thoát; Lương Văn Đ sử dụng 200.000 đồng do Chu Văn S cho, đánh thua hết thì bị bắt bỏ chạy thoát.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 10.010.000 đồng (*Mười triệu không trăm mười nghìn đồng*) gồm: 5.250.000 đồng thu tại chiếu bạc; 60.000 đồng thu của Phùng Văn C, 300.000 đồng thu của Vi Văn T, 400.000 đồng thu của Đào Đình L, 1.100.000 đồng thu của Vũ Văn C, 150.000 đồng thu của Vi văn T và 2.750.000 đồng của Nông Văn N. Đối với số tiền các đối tượng cho và vay của nhau, tất cả đều không có yêu cầu gì.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số:24/KSĐT, ngày 20-9-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HSST ngày 25/10/2018 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Vi Văn N.

- Áp dụng: khoản 1, điều 321; điểm s, khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Tăng Văn G.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Chu Văn S, Nguyễn Đức V.

* Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo:

1. Vi Văn N 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 17-6-2018 đến 23-6-2018;

2. Chu Văn S: 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 17-6-2018 đến 23-6-2018;

3. Nguyễn Đức V: 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 18-6-2018 đến 23-6-2018;

4. Tăng Văn G: 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 17-6-2018 đến 22-6-2018;

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt các bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/10/2018 các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: án sơ thẩm xử như vậy quá nặng. Đề nghị Tòa án cho các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo với lý do: Các bị cáo Chu Văn S và Nguyễn Đức V phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn (bị cáo S là người dân tộc thiểu số hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo V đã tự nguyện nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm). Các bị cáo Vi Văn N, Tăng Văn G là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: án sơ thẩm xử các bị cáo là đúng người,

đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo N và G là người có nhân thân xấu. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N và G, xử y án sơ thẩm. Đối với hai bị cáo S và V có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của hai bị cáo S và V, giữ nguyên mức hình phạt tù như án sơ thẩm nhưng cho các bị cáo S và V được hưởng án treo.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G nói lời sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào hồi 19 giờ ngày 16/6/2018 Lương Văn Đ cùng vợ là Hoàng Thị S có đến trang trại vải thiều của anh Lương Văn N ở bản T, xã Đ để tuốt lá vải và buộc quả vải thiều để sáng hôm sau đem bán. Đến khoảng 19h 30 phút thì có Nguyễn Đức V, Chu Văn S, Vi văn T, Vi Văn T, Vi Văn N, Tăng Văn G, Dương Văn S đến lán chơi, một lúc sau thì các bị cáo rủ nhau vào trong lán đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. V là người chuẩn bị 4 quân vị, Chu Văn S là người chuẩn bị 01 bát con, 1 đĩa sứ, 01 chiếu cói và 4 quân bài tú lơ khơ để làm bàn vị. Sau đó các đối tượng cùng nhau đánh bạc, Chu Văn S là người xóc cái. Các bị cáo đánh bạc đến 21 giờ thì có thêm Hoàng Văn Q, Đào Đình L, Vũ Văn C, Phùng Văn C, Vi Đức T, Nông Văn N, Dương Văn S cũng đến tham gia đánh bạc. Sau khi Lương Văn Đ buộc vải xong cũng vào tham gia đánh bạc cùng. Các bị cáo qui định mức thấp nhất là 10.000đ/1 ván, cao nhất không quy định. Các bị cáo đánh bạc đến 00 giờ 15 phút ngày 17 tháng 6 năm 2018 thì bị tổ công tác của Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), thu trên người các bị cáo 4.760.000đ. Tổng số tiền đánh bạc xác định là 10.010.000đ (Mười triệu không trăm mười nghìn đồng).

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp tang vật chứng đã thu giữ được, biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với không gian, thời gian, địa điểm điều đó có đủ cơ sở chắc chắn để khẳng định các bị cáo phạm tội đánh bạc.

Như vậy hành vi của cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G đã phạm vào tội “Đánh bạc”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều

321 Bộ luật hình sự. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng tới hạnh phúc và kinh tế cũng như sản xuất của nhiều gia đình, là cơ sở phát sinh nhiều tội phạm khác. Sau khi xử sơ thẩm xong, trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức V đã nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2010/007013 ngày 29/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự ở cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa được áp dụng cho bị cáo V.

Đối với các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V có vai trò thứ nhất, bị cáo N là người xóc cái từ đầu đến khi bị bắt có nhân thân xấu, sử dụng 370.000đ để đánh bạc (trong đó có 2 lần vay Đ tiền để đánh bạc); Bị cáo S, là người chuẩn bị bát đĩa, băng ví, dùng băng ví để đánh bạc, số tiền đánh bạc nhiều 980.000đ; Nguyễn Đức V, chuẩn bị quân vị để đánh bạc, tham gia đánh bạc từ đầu, thua hết lại vay T tiền để đánh tiếp. Bị cáo Tăng Văn G tham gia tích cực từ đầu và lượng tiền đánh bạc lớn hơn, tuy nhiên lại có nhân thân xấu, năm 2012 bị TAND huyện Y xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “đánh bạc” nhưng bị cáo G không lấy đó làm bài học, rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục đánh bạc, chứng tỏ bị cáo là con người coi Tồng pháp luật. Do đó phải có hình phạt tù nghiêm, cách ly các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V, Tăng Văn G ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Án sơ thẩm đã xem xét vai trò mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ phạt bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V 10 tháng tù, phạt bị cáo Tăng Văn G 08 tháng tù và buộc phải cách ly khỏi xã hội là có căn cứ phù hợp pháp luật và đảm bảo đấu tranh phòng chống loại tội phạm đánh bạc ngày càng gia tăng trong tình hình hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Lý do kháng cáo mà các bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo cũng không thỏa mãn yêu cầu của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần bác đơn kháng cáo của các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G; giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng quy định và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S và Tăng Văn G thuộc đối tượng hộ nghèo và cận nghèo nên miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm cho các bị cáo.

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S, Nguyễn Đức V và Tăng Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Vi Văn N.

- Áp dụng: khoản 1, điều 321; điểm s, khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Tăng Văn G.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Chu Văn S, Nguyễn Đức V.

* Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo:

1. Vi Văn N 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 17-6-2018 đến 23-6-2018;

2. Chu Văn S: 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 17-6-2018 đến 23-6-2018;

3. Nguyễn Đức V: 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 18-6-2018 đến 23-6-2018;

4. Tăng Văn G: 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 17-6-2018 đến 22-6-2018.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Miễn án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Vi Văn N, Chu Văn S và Tăng Văn G.

Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, CA, VKS cấp sơ thẩm;
- Bị cáo;
- Thi hành án;
- Lưu HS, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

